

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 6 năm 2018

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành

- *Các hội thẩm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Ông Lê Quý Hùng

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 344/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L - sinh năm: 1963, địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- Bị đơn: Ông T - sinh năm: 1956, địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1984 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đầu năm 2017, quan hệ giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên có khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi bới, không tôn trọng nhau. Ngoài ra, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc gây nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Nay bà L không còn tình cảm với ông T và yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T có 05 con chung là H sinh năm 1985, A sinh năm 1988, B sinh năm 1990, P sinh năm 1992, K sinh năm 1995, các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà L không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 28/02/2018 tại Công an thị trấn C, ông T

có đăng tạm trú tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Cam Lâm và hiện có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà L và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 04/6/2018 và ngày 21/6/2018, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T. Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết yêu cầu ly hôn của bà L.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc bà L muốn sống ra sao thì sống, bà L và gia đình hai bên đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không thay đổi. Bà L xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X và các Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà L và ông T có năm con chung đều đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X và các Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông T.
2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà L và ông T có năm con chung đều đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử không xét.
3. Về chia tài sản khi ly hôn: bà L và ông T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.
4. Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0009795 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.
5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND TT C;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành